

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2019

“Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu
nuôi con chung và nợ chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Hạc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị H– sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 5, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh T – sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 5, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Danh B – sinh năm 1962; Bà Thị Đ – sinh năm 1970 và Bà Thị D – 60 tuổi (đều có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 11/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị H trình bày:

Vào năm 2009, chị kết hôn cùng với anh Danh T. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được hơn 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị không lo làm ăn,

thường xuyên uống rượu say xỉn rồi về kiếm chuyện đánh đập chị nhiều lần, chị nhiều lần cho chồng cơ hội sửa đổi nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng đã tự ly thân hơn 02 năm. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên: Danh Bảo T – sinh ngày 25/4/2010. Cháu T hiện đang sống cùng với chị.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vào năm 2013, vợ chồng chị có cầm cố cho vợ chồng bà Thị Đ, ông Danh B 02 công đất ruộng (đất này là của mẹ ruột chị là bà Thị D cho riêng chị nhưng chưa tách bằng khoán) bằng 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, không thỏa thuận thời hạn cầm cố, không có làm giấy tay, khi nào có đủ 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 thì chuộc lại. Sau đó, vợ chồng bà Thị Đ, ông Danh B cho vợ chồng chị thuê lại toàn bộ 02 công đất nêu trên bằng giá 2.500.000đ/công/năm bằng 5.000.000đ/năm, hiện nay vợ chồng chị còn thiếu tiền thuê đất của vợ chồng ông Danh B là 17.000.000đ.

Do trước đây giá vàng tại thời điểm vợ chồng chị có đất cho vợ chồng ông Danh B là 3.000.000đ/chỉ, 10 chỉ bằng 30.000.000đ và chị không nhớ đến việc còn nợ tiền thuê đất nên chị mới để trong đơn khởi kiện là nợ tiền vợ chồng ông Danh B 30.000.000đ.

Tại phiên tòa, chị Thị Hxin được ly hôn với anh Danh T; về con chung, chị xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, giữa chị và vợ chồng bà Thị Đ, ông Danh B đã thống nhất tự thỏa thuận với nhau là chị sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông Danh B nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 28/6/2019, bị đơn anh Danh T thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng. Anh thừa nhận có đánh vợ trong lúc say xỉn không làm chủ được bản thân nhưng anh còn thương vợ, thương con muốn đoàn tụ gia đình.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn với Thị H mà xin đoàn tụ; về con chung, anh xin được nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; về tài sản chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, anh thừa nhận vợ chồng còn nợ vàng cầm cố đất của vợ chồng ông Danh B, bà Thị Đ bằng 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và 17.000.000đ tiền thuê đất. Nay, giữa vợ anh và vợ chồng Thị Đ, Danh B đã thống nhất tự thỏa thuận với nhau là vợ anh sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ tiền thuê đất và vàng có đất cho vợ chồng ông Danh B nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông Danh B, bà Thị Đ trình bày: Vào năm 2013, vợ chồng Thị H, Danh T có cố cho ông bà 02 công đất ruộng bằng 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, không thỏa thuận thời hạn cố cũng không có làm giấy tay, khi nào có đủ 10 chỉ vàng

24k loại vàng 9999 thì chuộc lại. Sau đó, ông bà cho vợ chồng Thị H và Danh T thuê lại 02 công đất nêu trên với giá 2.500.000đ/công/năm bằng 5.000.000đ/năm, hiện nay vợ chồng Thị H và Danh T còn thiếu tiền thuê đất là 17.000.000đ.

Nay, vợ chồng Thị H, Danh T ra Tòa ly hôn thì giữa ông bà và chị Thị H đã thống nhất thỏa thuận là một mình Thị H sẽ chịu trách nhiệm trả tiền thuê đất và vàng cổ đất cho ông bà nên ông bà không yêu cầu độc lập trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông bà sẽ khởi kiện chị Thị H thành 01 vụ kiện dân sự khác.

Bà Thị D trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Thị H, bà có cho riêng chị Thị H 02 công đất ruộng tọa lạc tại ấp An Trung, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nhưng chưa tách bằng khoán. Phần đất này hiện nay Thị H cầm cố cho vợ chồng ông Danh B bằng 10 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 nhưng chưa chuộc lại. Nay, vợ chồng Thị H, Danh T ra Tòa ly hôn thì đối với việc cầm cố đất này bà đồng ý cho Thị H cầm cố cho vợ chồng ông Danh B và Thị H cũng sẽ tự chịu trách nhiệm trả vàng cổ đất cho vợ chồng Danh B. Bà cũng giữ nguyên việc cho 02 công đất này riêng cho một mình chị Thị H, không cho anh Danh T, khi nào tách được bằng khoán thì bà sẽ đi tách cho chị Thị H. Vì vậy, bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và nợ chung” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Thị H được ly hôn với anh Danh T; Về con chung: Giao con chung tên Danh Bảo T – sinh năm 25/4/2010 cho chị Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung, nợ chung miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Danh T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Danh T với tư cách là bị đơn, ông Danh B, bà Thị Đ và bà Thị D với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án xét

xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị H và anh Danh T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 12/01/2009, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Thị H xin ly hôn với anh Danh T vì lý do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, mỗi lần say về là hành hạ, đánh đập chị nhiều lần. Còn anh T thừa nhận, anh có đánh vợ nhưng vì nhậu say không làm chủ được bản thân nên anh mới đánh, anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn mà muốn đoàn tụ. HĐXX thấy rằng, sau hơn 08 năm chung sống, giữa chị H và anh T đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng thường xảy ra cụ thể là những lần anh T dùng bạo lực để giải quyết bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Tại phiên tòa, chị H đã tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn vì không thể chịu đựng việc bị chồng đánh đập, hơn nữa, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu (hơn 02 năm) nên chị không còn tình cảm yêu thương đối với chồng. Mặc dù, anh T có nguyện vọng được đoàn tụ, không muốn ly hôn nhưng anh không thể hiện được tình cảm yêu thương dành cho vợ, trong suốt thời gian ly thân anh cũng không chủ động liên lạc, thăm hỏi vợ con. Với tình trạng hôn nhân trầm trọng, thái độ hành xử bạo lực thường xuyên xảy ra trong đời sống vợ chồng của chị H và anh T làm cho hôn nhân của anh chị không thể kéo dài được nữa nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Thị H và anh Danh T có 01 con chung tên Danh Bảo T – sinh năm 25/4/2010, cháu T đang sống cùng với chị H nên chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chồng cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ kiện, anh T không đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh cũng có nguyện vọng xin được nuôi con nhưng bản thân anh không thể hiện được tình thương và trách nhiệm với con của mình, từ khi ly thân anh không chăm sóc, chu cấp gì cho con cũng không đến thăm nom con.

Xét con chung của chị H và anh T từ khi ly thân do một mình chị H chăm sóc, cháu T cũng được phát triển khỏe mạnh và hiện nay đang được đi học, vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của đứa trẻ cần thiết phải giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ cũng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX ghi nhận. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Tài sản chung: Chị H và anh T xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Vào năm 2013, vợ chồng chị H, anh T có cầm cố cho vợ chồng bà Thị Đ, ông Danh B 02 công đất ruộng (đất này là của mẹ ruột chị H là bà Thị D cho riêng chị H nhưng chưa tách giấy chứng nhận QSDĐ) bằng 10 chỉ

vàng 24k loại vàng 9999, không thỏa thuận thời hạn cố, không có làm giấy tay, khi nào có đủ 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 thì chuộc lại. Sau đó, vợ chồng bà Thị Đ, ông Danh B cho vợ chồng chị H, anh T thuê lại toàn bộ 02 công đất nêu trên bằng giá 2.500.000đ/công/năm bằng 5.000.000đ/năm, hiện nay vợ chồng chị còn thiếu tiền thuê đất của vợ chồng ông Danh B là 17.000.000đ.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Thị H xác định giữa chị và vợ chồng bà Thị Đ, ông Danh B đã thống nhất tự thỏa thuận với nhau là chị sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông Danh B nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung. Anh Danh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của chị Thị H là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX áp dụng Điều 244 BLTTDS chấp nhận đình chỉ xét xử phần yêu cầu này.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh B, bà Thị Đ cho rằng: Việc vợ chồng Thị H, Danh T cầm cố đất cho vợ chồng bà cũng như thế lại đất đã cố là đúng nhưng giữa ông bà và chị Thị H đã thống nhất thỏa thuận là một mình Thị H sẽ chịu trách nhiệm trả tiền thuê đất và vàng cầm cố đất cho ông bà nên ông bà không yêu cầu độc lập trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông bà sẽ khởi kiện chị Thị H thành một vụ kiện dân sự khác.

Còn bà Thị D thừa nhận bà có cho riêng chị Thị H 02 công đất ruộng tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang là phần đất mà vợ chồng Thị H có cho vợ chồng ông Danh B. Nay, vợ chồng Thị H, Danh T ra Tòa ly hôn thì đối với việc cố đất này bà đồng ý để cho Thị H có cho vợ chồng ông Danh B và Thị H cũng sẽ tự chịu trách nhiệm trả vàng cố đất cho vợ chồng Danh B. Bà giữ nguyên việc cho 02 công đất này riêng cho một mình chị Thị H, không cho anh Danh T, khi nào tách được giấy chứng nhận QSDĐ thì bà sẽ đi tách cho chị Thị H. Vì vậy, bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Do ông Danh B, bà Thị Đ và bà Thị D không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt khi xét xử vụ án. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết chung trong vụ án này.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị Thị H phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 131, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thị H về việc yêu cầu chia nợ chung.

Chấp nhận cho chị Thị H được ly hôn với anh Danh T.

Về con chung: Giao con chung tên Danh Bảo T – sinh năm 25/4/2010 cho chị Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị H phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001034, ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã VHH Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập